TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2018
"*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Công.
2. Ông Kiên Ngọc Minh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 168/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16/01/2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Phượng A**, sinh năm 1992. (Có mặt).
Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1985. (Có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2017 và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Phượng A là nguyên đơn trình bày: Hôn nhân là do quen biết và được sự đồng ý của hai gia đình, chị và anh Đ đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2013. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh T. Sau ngày cưới thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc cho đến khoảng tháng 12 năm 2014 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cự cãi, gia đình không còn hạnh phúc nữa, anh Đ thường xuyên đi nhậu, đi đêm về khuya, không lo làm ăn, không quan

tâm đến cuộc sống gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ không sửa đổi. Vào khoảng đầu tháng 12 năm 2014 thì chị bỏ về nhà cha, mẹ ruột sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay.

Về con chung: có một người tên Phạm Gia P, sinh ngày 15/10/2014, hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị.

Nay, về hôn nhân: chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Về con chung: sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng và cấp dưỡng cho đến khi cháu Phạm Gia P tròn 18 tuổi. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về số nợ phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn Đ là bị đơn trình bày: Do tìm hiểu, quen biết, anh với chị Phượng A đi đến hôn nhân vào năm 2013. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh T. Trong cuộc sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng chỉ có cự cãi qua lại do bất đồng quan điểm sống. Sau ngày cưới vợ chồng đi làm ở Tây Ninh nhưng không biết lý do gì chị Phương A bỏ về nhà cha, mẹ ruột sinh sống hơn một năm nay. Trong thời gian ly thân, anh có liên lạc với chị Phượng A nhưng chị Phượng A cố tình cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh.

Về con chung: có một người tên Phạm Gia P, sinh ngày 15/10/2014, hiện đang sống với chị Phượng A.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu giải quyết.

Nay, Về hôn nhân: anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ lại; Nếu pháp luật giải quyết cho ly hôn; Về con chung: anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị Phượng A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung phải thu, phải trả: không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, về con chung và rút lại phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không có cung cấp chứng cứ mới tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không có lời trình bày.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về vấn đề thu thập chứng cứ, tiếp hành kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cũng như việc gửi, tống đạt các văn vản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của bộ

Luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 28, điều 35, điều 147, điều 227, điều 228 và điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Phượng A. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phượng A được ly hôn với anh Phạm Văn Đ; Về con chung: Công nhận cho chị Nguyễn Phượng A được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Phạm Gia P, sinh ngày 15/10/2014. Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản; Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Phạm Văn Đ là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Nguyên Phượng A có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết việc hôn nhân của chị. Theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phượng A và anh Phạm Văn Đ xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh T vào ngày 03/9/2013 nên hôn nhân giữa chị Phượng A và anh Đ là hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng được chị Phượng A thừa nhận tại tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại bản khai ngày 21/02/2018 anh thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã được gia đình hai bên họp mặt lại để giải quyết mâu thuẫn cho vợ chồng hàn gắn lại nhưng không có kết quả, chị Phượng A vẫn cắt đứt quan hệ vợ chồng, trở về quê cha, mẹ ruột sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng chị Phượng A và anh Đ cũng được bà P là mẹ ruột của chị Phượng A thừa nhận tại phiên hòa giải ngày 21/02/2018. Từ đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng của chị Phượng A và anh Đ đã căng thẳng, nay chị Phượng A xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ làm đơn xin ly hôn với anh

Đ, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Phượng A với anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, căn cứ Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Đối với hôn nhân giữa chị Phượng A và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đến nay hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, không còn sống chung với nhau nữa, không còn quan tâm chăm sóc, lẫn nhau. Từ những phân tích trên xét thấy mục đích hôn nhân của chị Phượng A và anh Đ không đạt được nữa nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Phượng A xin được ly hôn với anh Đ là phù hợp tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] ***Về con chung*****:** có một người tên: Phạm Gia P, sinh ngày 15/10/2014, hiện đang sống chung với chị Phượng A. Nguyện vọng của chị Phượng A và anh Đ mong muốn được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng cần phải xem xét mọi mặc và quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét thấy cháu Phát hiện tại còn nhỏ, mới hơn 03 tuổi đang sống chung với chị Phượng A, từ khi chị Phượng A và anh Đ cắt đứt quan hệ vợ chồng cho đến nay, cháu P do chị Phượng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con hằng ngày và đảm bảo chăm sóc tốt cho con trong cuộc sống, hiện tại anh Đ sống xa gia đình nên không có điều kiện để chăm sóc con chu đáo được. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Phượng A, nên công nhận cho chị Phượng A được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Gia P.

[5] ***Về cấp dưỡng nuôi con:*** tại phiên tòa chị Phượng A rút lại phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xét thấy việc rút lại phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Nay về cấp dưỡng nuôi con, chị Phượng A không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: không có. Không đặt ra nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: buộc chị Phượng A có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật. Anh Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, 147, 227, 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phượng A.

[1] Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Phượng A được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

[2] Về con chung: Công nhận cho chị Nguyễn Phượng A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phạm Gia P, sinh ngày 15/10/2014.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Phượng A có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0014473, ngày 12/01/2018 do chị Phượng A nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Chị Phượng A đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Phạm Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung